

TÁC PHẨM *HỘ PHÁP LUẬN* VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỮ NÔM TRONG VĂN BẢN *HỘ PHÁP LUẬN GIẢI ÂM* - AB.381

Nguyễn Văn Thanh

Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc,
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tiểu dẫn

Hiện nay, thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm đang lưu giữ được số lượng khá lớn kinh sách của Phật giáo, bao gồm Kinh, Luật và Luận, trong đó một số lượng sách đã được giải âm Nôm. Tác phẩm *Hộ pháp luận*(護法論) mang ký hiệu AB.381 là một trong số những sách được giải âm Nôm như vậy. Đây là tác phẩm luận của 無盡居士宋丞相張商英 Vô Tận cư sĩ Trương Thương Anh Thừa tướng thời Tống⁽¹⁾ và đã được 福田和尚 Phúc Điền Hoà thượng⁽²⁾ giải âm. *Hộ pháp luận* là một tác phẩm luận được nhiều thế hệ cao tăng, đại đức dùng làm tài liệu giảng dạy và học tập. Nghiên cứu bản *Hộ pháp luận* AB.381 là việc cần thiết cho ngành nghiên cứu chữ Nôm và tiếng Việt lịch sử. Mục đích của bài viết là tiến hành khảo sát, giới thiệu văn bản AB. 381 và đưa ra kết quả phân tích cấu trúc chữ Nôm trong văn bản.

1. VĂN BẢN “HỘ PHÁP LUẬN”

Tác phẩm *Hộ pháp luận* đến nay nhiều nhà nghiên cứu của Trung Quốc và Việt Nam đều khẳng định là của Tống Thừa tướng Trương Thương Anh. Nhưng thời điểm ra đời của tác phẩm rất khó xác định, chỉ tạm ước đoán thời điểm ra đời của nó mà thôi. Giai đoạn ông làm Thừa tướng rất ngắn ngủi tức vào khoảng giữa năm Đại Quán 4 (1110). Điều này cho ta suy luận tác phẩm *Hộ pháp luận* là trước tác trong giai đoạn cuối cuộc đời của ông. Còn một điểm nữa xin chú ý là trong thời Tống Huy Tông(1101-1125), nhà vua có nhiều chính sách không có lợi cho Phật giáo, do đó rất có thể Trương Thương Anh sở viết tác phẩm *Hộ pháp luận* với mục đích lên tiếng bảo vệ cho Phật giáo ở thời kì này.

1.1 Văn bản *Hộ pháp luận* ở Trung Quốc

Vấn đề xác định tác phẩm *Hộ pháp luận* ra đời khi nào, hiện giới học thuật chưa đủ tư liệu khảo sát. Song chí ít, chúng ta có thể dựa vào những bài tự dẫn để phân nào làm sáng tỏ điều này. Theo bài *Hộ pháp luận nguyên tự* (護法論元序) do Vô Ngại Cư sĩ Nam Tuân - Trịnh Hưng Dữ Đức (無礙居士南洵鄭興德與撰) soạn ngày 15 tháng 10 năm Tân Mão niên hiệu Càn Đạo (1172) thì đây là bản in đầu tiên. Như vậy, sau khi Trương Thừa tướng mất 51 năm thì tác phẩm *Hộ pháp luận* của ông mới được đem in lần đầu và có bài nguyên tự này.

Bài đề từ trùng khác *Hộ pháp luận* do Hàn lâm Thị giảng học sĩ Trung thuận đại phủ Tri quốc sử kiêm Thái tử Tán thiện đại phu Kim Hoa Tống Liêm (翰林侍講學士中順大夫知國史兼太子贊善大夫金花宋濂) soạn vào ngày 9 tháng 9 năm Hồng Vũ

7 (1374). Bài từ có đoạn viết: “Hoán ông thiên sư Đoan Văn không quản đường xa nghìn dặm đến mời tôi có lời rằng: “Tông phái tôi có bộ sách *Hộ pháp luận* gồm một vạn hai nghìn ba trăm bốn mươi lăm chữ do Tống Thừa tướng Trương Thương Anh soạn... Trước đây đã cho Tăng Tuệ Khâm ở Phúc Kiến cho khắc in và được quan Thị Giảng Học sĩ ở viện Hàn Lâm là Ngụ Tập Thực viết bài tựa. Nhưng sau cơn binh hoả ván in đã bị mất lâu rồi, Đoan Văn tôi nhận thấy bộ sách này không thể không lưu truyền, nên cho khắc in lại, nay công việc đã hoàn tất xin ngài viết cho bài tựa để đặt lên đầu sách”.(tờ 4a bản AB.381)

Như vậy, chúng ta biết thêm được một bản nữa do thiên Tăng Tuệ Khâm cho khắc in vào năm Chí Chính 5 (1345) cùng với bản của sư Đoan Văn có bài đề từ trên thì chúng ta được biết là có cả thấy 3 bản *Hộ pháp luận*: 1 bản in năm (1172), 1 bản (1345) và 1 bản (1374). Ba bản trên chỉ duy nhất 1 bản được in vào thời Nam Tống (1172), còn 2 bản sau đều được in vào thời Minh.

1.2 Văn bản *Hộ pháp luận* ở Việt Nam

Theo như lời tựa dẫn trùng khắc *Hộ pháp luận* của Hối Tích Tăng Quảng Tính Thích Điều Điều 晦跡性廣釋條條⁽³⁾, trước khi ngài biên tập cho in bản có lời tựa dẫn của mình thì ở Việt Nam có 2 bản (theo ngài biết) đó là 1 bản in, ván được lưu lại chùa Bảo Các, xã Xung Quán, huyện Gia Lâm do Minh Như thiên sư mộ duyên khắc in vào năm Kỷ Sửu - niên hiệu Phúc Thái 7 (1649). Trong sách có ghi vào niên hiệu Thiệu Định 4 (1231), Tri Huyền đạo nhân viết chữ, bổ sung thêm những đoạn chê bai Phật giáo của người đương thời. Ông viết trong bản này có nhiều chữ sai. Bản thứ hai là bản mà Hối Tích Tăng Quảng Tính Thích Điều Điều có được từ nhà của một thiên hữu Tính Tuyên tại Trung Đô vào năm Quý Dậu (1753). Ngài Hối Tích không nói rõ niên đại của sách và in ở đâu, ở Việt Nam hay Trung Quốc. Ngài chỉ nói sách bị một ăn một đôi chỗ nên phải đi hỏi để bổ sung vào. Thế rồi năm sau, năm Cảnh Hưng 15 (1754) ngài Hối Tích Tăng Quảng Tính Thích Điều Điều cho in bản do ngài bổ cứu từ 2 bản ngài có trong tay. Đến đây, chúng ta biết được đến ngài Hối Tích là có 3 cuốn *Hộ pháp luận*. Đến nay, ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm và các chùa khác còn lưu giữ được bản do ngài chỉnh sửa cho in. Bước đầu khảo cứu văn bản chúng tôi thấy rằng 3 văn bản AB.381 (có giải âm), bản AC.144-145 và bản AC.343 và 5 bản ở Thư viện Phật học chùa Quán Sứ đều khắc lại từ bản của Hối Tích Tăng Tính Quảng Thích Điều Điều. Điều này rất dễ nhận ra.

- Bản AB.381 phần chữ Hán khắc lại của bản Cảnh Hưng 15 (1754) chỉ khác là phân chia ra các đoạn rồi thêm phần giải âm Nôm ở sau các đoạn đó.

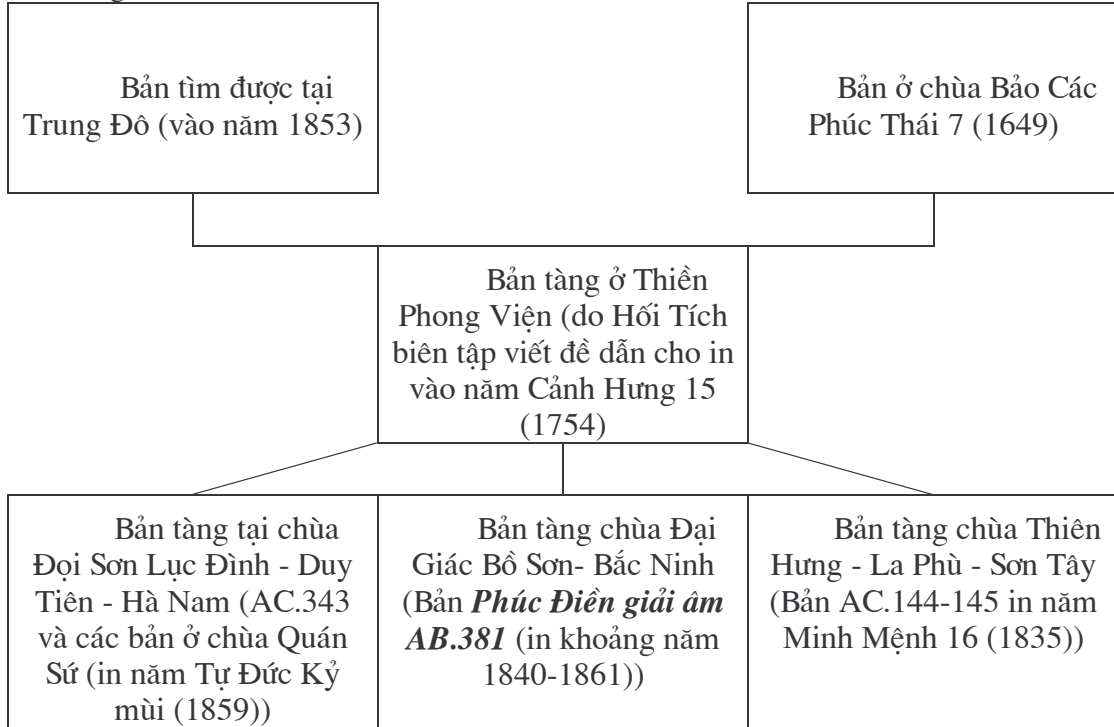
- Bản AC.144-145 là bản in năm Minh Mệnh 16 (1863) có thêm phần chữ Phạn phía sau và tranh Phật bà. Phần nguyên văn *Hộ pháp luận* chữ Hán khắc lại từ bản Cảnh Hưng (1754).

- Còn bản AC.343 và 5 bản ở thư viện chùa Quán Sứ đều in từ bộ ván tàng trữ tại chùa Đọi Sơn Lục Đình - Duy Tiên - Hà Nam. Có 1 bài Trùng Khắc *Hộ pháp luận* do 淸靜慈柔 Thanh Tĩnh Từ Nhu cẩn thư vào tháng giữa xuân năm Kỷ mùi niên hiệu Tự Đức (1859) cũng được khắc lại từ bản Cảnh Hưng (1754).

Chữ Hán, Nôm trong văn bản *Hộ pháp luận* giải âm được in rõ ràng đẹp, cách trình bày nhất quán, so với những tác phẩm cũng do Phúc Điền giải âm như *Khoá hư lục* giải âm 課虛錄 như dùng thể chữ và cách trình bày giống hệt nhau. Chữ Nôm dùng nhất quán từ đầu văn bản cho tới cuối văn bản. Không có hiện tượng một âm đọc có nhiều mã

chữ. Chữ Nôm có xu hướng cấu tạo theo kiểu ý âm, làm tăng khả năng chuẩn hoá chữ Nôm, giúp người đọc dễ nhận ra âm đọc và nghĩa của chữ.

Chúng ta theo dõi sơ đồ sau:



Trong 7 bản được nêu ra trên chỉ duy nhất bản AC.381 có phần giải âm của Phúc Điền Hoà Thượng. Đây là văn bản mà chúng tôi chọn để giới thiệu trong bài viết này.

1.3 Văn bản Hộ pháp luận ký hiệu AB.381

Như đã nói ở trên, chỉ duy nhất bản AB.381 là bản có phần giải âm, đây là văn bản chúng tôi chọn làm đối tượng nghiên cứu của bản báo cáo này. Chúng tôi có đôi lời giới thiệu về văn bản AB.381:

Bản AB.381 gồm 136 trang, 28cm x 17cm, mỗi trang có 10 hàng chữ lớn, mỗi hàng có 20 chữ, (chữ Hán). Hàng nhỏ thì mỗi trang có 20 hàng, mỗi hàng có 19 chữ (chữ Nôm). Sách chia làm 4 phần gồm:

Phần 1 gồm có:

- 1 bài *Trùng thuyên Hộ pháp luận tự dẫn* 重鑄護法論敘引
- 1 bài *Trùng khắc Hộ pháp luận đề từ* 重刻護法論題辭
- 1 bài *Hộ pháp luận nguyên tự* 護法論元序
- 1 bài *Luận Hộ pháp tự cũ* 護法序牘 (bài giải âm nguyên tự của Phúc Điền Hoà thượng).

Phần 2. Chính văn Hộ pháp luận từ tờ 07 cho tới tờ 56.

Phần 3.

- 1 bài *Hộ pháp luận hậu跋* 護法論後跋
- 1 bài *Bạt luận Hộ pháp跋* 跋論護法 (Phúc Điền Hoà thượng giải âm)

1 bài *Trùng khắc Hộ pháp luận bạt hậu tự*. 重刻護法論跋後序

Phần 4. Lược soạn sự tích từ từ 60 - cho tới hết.

Nội dung chính văn chia làm 56 đoạn, sau mỗi đoạn chính văn là phần giải âm. Nhưng phần giải âm chỉ có 55 đoạn bởi văn bản mất 2 từ 40 và 41. Phần chính văn thì người đóng sách hoặc in sau đã thêm vào được phần Hán văn, nhưng phần Nôm không thêm vào được. Nên số trang thực từ chỗ đó lệch so với số trang người sau đánh số. Cũng trong tình trạng đó từ 64 phần 4 lược soạn sự tích mất 1, từ và người ta thêm vào 1 từ có số từ 64 như vậy nhưng đó là từ ở văn bản *Hộ pháp luận* khác nên nội dung không khớp.

Về niên đại của sách do mất từ bìa nên chúng ta chỉ đoán định bản *Hộ pháp luận* này được in khoảng từ năm 1840 cho tới năm Tự Đức 14 (1861). Một cứ liệu nữa là cách trình bày, kiểu chữ do hoàn toàn giống với bản *Khoá hư lục giải âm*, từ đó, chúng ta có thể đoán định thời gian khắc in khu hẹp hơn trong khoảng thời gian sau năm Canh Tý (1840) niên hiệu Minh Mệnh, năm mà *Khoá hư lục giải âm* được đem in.

Trước phần chính văn *Hộ pháp luận* (trang 8a) có mấy dòng chữ đề:

“*Hộ pháp luận* Vô Tận Cư sĩ Tống Thừa tướng Trương Thương Anh thuật. Bồ Sơn Đại Giác tự Lâm Tế phái Độ Diệp Phúc Điền Hoà Thượng Sa môn An Thiên giải âm”. 護法論無盡居士宋丞相張商英述蒲山大覺寺臨濟派度牒福田和尚沙門安禪解音

Có nghĩa là: Tác phẩm *Hộ pháp luận* là do Vô Tận Cư sĩ Tống Thừa tướng Trương Thương Anh trước thuật. Bản giải âm là của An Thiên chốn sa môn Độ Diệp Phúc Điền Hoà thượng phái Lâm Tế giải âm.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỮ NÔM TRONG BẢN “HỘ PHÁP LUẬN” AB.381

2.1. Cách thức thống kê và mô hình phân loại

Trong phần phân loại chữ Nôm chúng tôi thấy mô hình phân chia thành 10 tiểu loại cấu trúc chữ Nôm của GS. Nguyễn Tài Cẩn và N.Xtankêvich là phù hợp để sử dụng trong khi phân loại. Trong bản *Hộ pháp luận* giải âm phân chữ Nôm có 11605 lượt chữ chúng tôi chỉ chọn 1000 chữ xuất hiện đầu văn bản và tiến hành phân loại theo mô hình ở trên.

Trong khi phân loại theo mô hình của GS. Nguyễn Tài Cẩn và N.Xtankêvich (*Điểm qua vài nét về tình hình cấu tạo chữ Nôm*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2 & 3 năm 1976 (số 2: trang 15 — 25; số 3: trang 14 - 24), số 2; trang 20) chúng tôi bị lúng túng một số trường hợp VD: chữ 平 đọc âm Nôm là Bằng, nghĩa là bằng phẳng thì ta xếp vào loại A₂ (Chi cổ HV, HVVH) nhưng nghĩa văn cảnh của nó là bằng nhau, ngang bằng. Trong trường hợp chữ 𠵹 đọc âm Nôm là Lừa, nghĩa con lừa nhưng nghĩa văn cảnh trong *Hộ pháp luận* lại là lừa dối, lừa đảo... Những trường hợp này chúng tôi vẫn xếp vào loại A₂ tuy biết rằng là khiên cưỡng

10 tiểu loại chữ Nôm gồm:

1. Loại A1: chữ Nôm ghi tiếng Hán Việt
2. Loại A2: chữ Nôm ghi âm cổ HV, HVVH.
3. Loại B: chữ Nôm mượn nghĩa
4. Loại C1: chữ Nôm mượn âm chính xác

5. Loại C2: chữ Nôm mượn âm đại khái
6. Loại D: chữ Nôm thêm biến đổi phụ
7. Loại Đ: chữ Nôm ghép âm + âm
8. Loại E: chữ Nôm ghép nghĩa + nghĩa
9. Loại G1: chữ Nôm ghép bộ thủ + chữ
10. Loại G2: chữ Nôm ghép chữ + chữ

Sau khi phân loại chúng tôi đạt được kết quả ở bảng sau:

2.2. Bảng kết quả phân loại cấu trúc chữ Nôm

STT	Loại cấu trúc	Số chữ		Số lần xuất hiện	
		Số chữ	Tỷ lệ %	Số lượt chữ	Tỷ lệ %
1	A1	195	46,762	387	38,7
2	A2	26	6,235	63	6,3
3	B	0	0	0	0
4	C1	30	7,194	87	8,7
5	C2	71	17,026	277	27,7
6	D	2	0,479	10	1
7	Đ	1	0,239	2	0,2
8	E	1	0,239	1	0,1
9	G1	46	11,031	93	9,3
10	G2	45	10,791	80	8,0
	Tổng	417	≈ 100	1000	100

Sau khi thống kê và phân tích 1000 lượt chữ nôm chúng tôi thấy kết quả thú vị là trong 10 loại trên có 1 loại Loại B chữ Nôm mượn nghĩa không có chữ nào. Đây là loại chữ chiếm tỉ lệ rất ít trong chữ Nôm nên phân tích với lượng chữ không nhiều như trên thì việc không bắt gặp trường hợp nào trong trường hợp này là dễ hiểu.

Trong 10 loại kể trên thì loại A1 chiếm lượng lượt chữ lớn nhất, tới 46,76%, vì khi giải âm tác giả không hề giải âm những từ mà người đọc, nghe có thể hiểu được đây cũng là hiện tượng mà ta thường thấy trong các văn bản Nôm của nhà chùa.

Loại D chỉ có 1 chữ. Bởi một lý do rất rõ ràng là loại chữ này đọc khó bởi dấu thêm hay còn gọi là cá nháy, dấu phụ vv... chỉ hướng người đọc phải đọc âm khác đi so với âm của mặt chữ nên việc xác định âm chuẩn là khá khó khăn (chỉ hướng tới âm tương đối nên người đọc thường chọn âm mà người đọc quen). Trong văn bản này rất ít chữ gia thêm dấu hiệu phụ như kết quả trên chúng ta thấy.

Loại Đ là loại chữ ghép âm âm để ghi một âm tiếng Việt. Như chúng ta biết sang thế kỉ XVII thì hiện tượng rụng đi một phụ âm ghi âm đi mà chỉ còn lại một thành tố. Trong phân khảo sát chúng tôi chỉ thấy xuất hiện một chữ 𠵶 dạng âm cổ của nó là *Klang*. Nhưng đến giai đoạn có văn bản giải âm này người ta không đọc như vậy mà chỉ đọc là *Sang*,

chúng tôi thấy chữ này chỉ xuất hiện 2 lần ở vị trí 15/4a/11B và 2/6a/10B. Sự xuất hiện của nó chỉ là thói quen viết của những người dùng chữ Nôm mà thôi.

Loại E cũng chỉ thấy xuất hiện trong phần khảo sát 1 chữ trời/ giới 𠂇 ở vị trí 17/5a/9B chiếm 0,239% lượng chữ khảo sát.

Chúng ta nhìn theo hai loại lớn là chữ nôm mượn Hán và chữ Nôm tự tạo thì thấy chữ Nôm mượn Hán chiếm gần **81,4%** số lượng, lớn hơn so với lượng chữ Nôm tự tạo chỉ là **18,6%**. Mặc dù đây là số liệu chúng tôi mới khảo sát ở một phần của văn bản, nhưng số liệu này cũng phần nào cho thấy không hoàn toàn đúng khi chúng ta cho rằng chữ Nôm càng mượn thì tỉ lệ chữ Nôm sáng tạo chiếm số lượng càng cao.

2.3. Đòi điều nói thêm về chữ Nôm văn bản *Hộ pháp luận* trong mối tương quan lịch sử.

2.3.1. So sánh tỉ lệ đối dịch Hán - Nôm giữa *Hộ pháp luận* với một số văn bản giải âm khác

Sách giải âm của Phúc Điền Hòa thượng sử dụng cách giải âm như là giảng sách nên ý nghĩa của chữ nào rất sát nghĩa của chữ ấy. Cách giải âm này đã là công việc dịch nhằm để cho các môn đồ của ngài dễ hiểu, dễ nhớ. Trong bài tựa sách *Kim Cương Kinh kệ chú châm minh* có viết "Hôm trước trong khi ở Yên, môn nhân xin giải quốc âm để cho tiện lúc học vấn buổi đầu"... Mục đích giải âm của Phúc Điền Hòa thượng là để cho người sơ cơ mới học đạo nên từng chữ từng nghĩa rất sát. Cách này đòi chỗ cô đọng quá gây ra khó hiểu cho người đọc và người học. Cách giải âm này chúng ta còn thấy trong các buổi giảng nội điển Phật giáo ở trong trường hạ do các bậc hoà thượng giảng.

Nếu xét trong 1000 lượt chữ Hán đầu tiên được dịch sang chữ Nôm thì ta có bảng so sánh tỉ lệ đối dịch Hán - Nôm giữa một số văn bản như sau⁽⁴⁾:

Văn bản	PTĐBPMÂTK	TKMLGÂ	KHLGÂ	LTCCSMT	HPLGÂ
Số lượt chữ Nôm dịch từ 1000 lượt chữ Hán đầu tiên	1165	1306	1054	1022	968
Tỷ lệ đối dịch Hán/Nôm	1/1,165	1/1,306	1/1,054	1/1,022	1/0,968

PTĐBPMÂTK : Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh.

TKMLGÂ : Truyền kỳ mạn lục giải âm.

KHLGÂ : Khoá hư lục giải âm.

HPLGÂ : Hộ pháp luận giải âm.

LTCCSMT : Lý tướng công chép sự minh ti.

Xem bảng thống kê chúng ta thấy tỷ lệ dịch của các bản từ LTCCSMT trở lên tỷ lệ dịch ra chữ Nôm đều > 1 riêng bản *Hộ pháp luận* thì lại chưa tới 1/1.

Cách trực dịch của *Hộ pháp luận* cao nhất so với các văn bản được so sánh ở trên. Có thể nói một chữ dịch ra một chữ chúng tôi tạm đưa ra những nhận xét dẫn tới kết quả đó là:

Bản *Hộ pháp luận* là một bản luận để bảo vệ đạo Phật trước những luận điểm tư tưởng khác, sách có tính tranh biện cho nên ngôn ngữ rất mạch lạc dễ hiểu. Có dẫn điển cố, trích lục kinh điển của Nho và Phật nhưng khi giải âm Phúc Điền Hòa thượng để nguyên, không diễn giải điển cố điển tích (Mặc nhiên là người đọc đã biết). Nên phân giải âm tương đương phân chữ Hán. VD: ngay câu đầu *Hộ pháp luận* viết "Khổng tử viết: Triêu văn đạo tịch tử khả hỹ. Dĩ Nhân, Nghĩa, Trung, Tín vi đạo da?" Phúc Điền giải âm là "Đức Thánh dạy rằng sớm nghe mùi đạo, tối chết khá vậy. Thầy Vô Tận nói rằng lấy đạo ngữ thường làm đạo ru".

2.3.2. So sánh những số liệu số lượt xuất hiện của chữ Nôm vay mượn và tự tạo

Chúng ta theo dõi bảng số liệu sau đây⁽⁵⁾:

Tác phẩm	Giai đoạn chữ Nôm	Loại vay mượn (%)	Loại tự tạo (%)
<i>Phật thuyết</i>	XV — XVI	84,52	15,48
<i>CNNÁ</i>	XVI — XVII	81	19
<i>Huấn nữ tử ca</i>	XVIII	69,39	30,61
<i>KVKTT</i>	XIX	68,243	31,757
<i>HPLGÁ</i>	XIX	81,4	18,6

CNNÁ: *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*

KVKTT: *Kim Vân Kiều tân truyện*

Trên chúng tôi đưa số liệu bản *Hộ pháp luận giải âm* AB.381 để so sánh với những tác phẩm được coi là tiêu biểu như *Phật thuyết* xuất hiện thế kỷ XV - XVI, được in vào thế kỷ XVIII. Bản thứ 2 là bản *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* ra đời thế kỷ XVI - XVII, thứ 3 là bản *Huấn nữ tử ca* của Nguyễn Huy Oánh, tác phẩm chữ Nôm XVIII và bản *Kim Vân Kiều tân truyện* XIX. Chữ Nôm có xu hướng càng dần tỷ lệ cấu tạo chữ sáng tạo càng tăng nhưng điều này ngược lại với trường hợp của HPLGÁ tỷ lệ chữ loại tự tạo chỉ có 18,6%. Điều này cho thấy tác phẩm của Phật giáo mà là luận, nên sử dụng những danh từ tên người, tên đất, các câu trích trong kinh Phật cho nên hiện tượng này dẫn tới loại tự tạo thấp. Nguyên trong bảng phân loại, loại A1 đã chiếm 38,8% loại C2 chiếm 27,7% rồi. **Có lẽ đây là trường hợp dùng chữ tự tạo còn thấp hơn cả *Chỉ nam ngọc âm*, chỉ đứng sau *Phật thuyết* mà thôi.** Đây là một điều khá thú vị chúng tôi hy vọng khi có điều kiện khảo sát thêm một số tác phẩm giải âm Nôm của Phật giáo.

Tiểu kết

Nói tóm lại, trong bài viết chúng tôi đã giới thiệu được tác phẩm *Hộ pháp luận* mang kí hiệu AB.381 trong hệ văn bản *Hộ pháp luận* mà có. Phần 2 của bài viết là kết quả bước đầu chúng tôi mới chỉ phân loại được số lượng là 1000 lượt chữ trên độ dài văn bản là 11605 lượt chữ con số chưa được 1/10. Nhưng kết quả cũng đã nói lên một khía cạnh khá đặc thù của văn bản Phật giáo. Chúng tôi đưa số liệu thống kê được vào hệ thống các văn bản Nôm khác trong lịch sử phát triển chữ Nôm. Chúng ta thấy về tỷ lệ chữ Nôm sáng tạo chỉ chiếm có 18,6% chỉ đứng sau bản *Phật thuyết* mà thôi còn thấp hơn cả bản *Chỉ nam ngọc âm*. Khi đem so sánh phân giải âm, lại thấy kết quả rất thú vị là phần dịch nghĩa bao giờ cũng phụ trội hơn so với nguyên văn nhưng ở *Hộ pháp luận* thì ngược lại tỷ lệ Hán/Nôm

là 1/0,968. Tỷ lệ dịch này là thấp nhất trong bảng so sánh và lẽ tất nhiên là khi dịch nghĩa ra sẽ cô đọng. Tuy là văn bản chữ Nôm này ở vào giai đoạn cuối thế kỷ XIX nhưng loại chữ Nôm sáng tạo vẫn thấp so với chữ Nôm vay mượn. Đây là một điểm khá bất ngờ cho những người tìm hiểu và khảo sát chữ Nôm giai đoạn Nguyễn. Đặc điểm này có vẻ không như các loại văn bản chữ Nôm khác cùng niên đại, bởi càng về sau chữ Nôm sáng tạo càng chiếm một tỷ lệ lớn so với chữ Nôm vay mượn. Nghiên cứu văn bản Hộ pháp luận chúng ta thêm hiểu về Phật giáo Việt Nam giai đoạn triều Nguyễn, và ngôn ngữ tiếng Việt được dùng giải âm các văn bản kinh điển Phật giáo./.

Hà Nội, tháng 5 năm 2006

Nguyễn Văn Thanh

Chú thích:

(1) Trương Thương Anh tự là Thiên Giác, hiệu là Vô Tận cư sĩ người ở hương Tân Tân đất Thục Châu, sinh năm Khánh Lịch 3 đời vua Tống Nhân Tông (1043). Năm 19 tuổi, thi đỗ Tiến sĩ khoa thi năm Gia Hựu 6 (1061). Trước tác của ông ngoài *Hộ pháp luận*, ông còn có nhiều trước thuật khác như: *Hoàng Thạch công tố thư* <黃石公素書>, *Kim lục trai tam động tán vịnh nghi* <金錄齋三洞讚詠儀>, *Kim lục trai đầu giản nghi* <金錄齋投簡儀>, *Tam tài định vị đồ* <三才定位圖>vv.

Trương Thương Anh mất vào tháng 11 năm Tuyên Hoà 3 (1121), thọ 78 tuổi, tên thụy là “Văn Trung”. Đến năm Tuyên Hoà 6 (1124), ông được truy tặng là “Thái Bảo”.

(2) Hoà thượng Phúc Điền sinh tháng 7 năm Giáp Thìn (1784), tại thôn Trung Thịnh, xã Bạch Sam, huyện Sơn Minh, phủ Ứng Hoà, tỉnh Hà Nội (nay là xã Trường Thịnh huyện Ứng Hoà tỉnh Hà Tây). Cha ngài họ Vũ mẹ họ Lê. Ngài sớm ngộ đạo Phật, năm 12 tuổi, xuất gia đầu Phật theo học Hoà thượng Viên Quang Hải Tiềm tại chùa Đại Bi (xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội).

Năm 15 tuổi, y theo tổ Từ Phong Hải Quýnh ở chùa Phúc Xuân xã Nam Phiền, được thụ giới Sa Di. Năm 20 tuổi, ngài đến chùa Đại Thiên (xã Phù Ninh, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn) y theo Hoà thượng Tịch Giảng Vô Tư. Sau đó, ngài được thụ Trì Khiêu, Bồ tát giới do tổ sư Tịch Chiếu chùa Hoa Lâm (xã Khê Hôi, Thường Tín) làm thầy Yết Ma, và tổ sư Tịch Tính chùa Sùng Phúc làm thầy Giáo thụ.

Tháng 5 năm Ất Mùi (1835), ngài phụng chỉ vào kinh đô Huế dự kỳ thi sát hạch về kinh tạng. Sau nhà vua mến mộ đạo hạnh của ngài đã cho lập đàn ban sắc cho ngài là Giới Đạo Độ Diệp Phúc Điền Hoà Thượng. Từ đó danh tiếng đạo hạnh của ngài vang dậy khắp cả nước. Các sách do ngài biên tập, giải âm, ghi tự dẫn, lời bạt, chứng san như sau:

Kim Cương kinh 1 quyển, *Di đà kinh* 1 quyển, *Qui sơn cảnh sách* 2 quyển, *Sa di số* 1 quyển, *Thiên lâm bảo huấn* 4 quyển, *Đại Đường từ ân xuất gia châm* 1 thiên, *Di Sơn đại sư phát nguyện* 1 bài, *Vân thê phát nguyện* 1 bài, *Trúc song* 3 quyển, *Hộ pháp luận* 1 quyển, *Khóa hư lục* 3 quyển, *Thái căn đàm* 1 quyển, *Tam giáo nhất nguyên* 1 quyển, *Nhân thiên Vương thị cảnh thế lương ngôn* 1 thiên, *Tân soạn Thích giáo chân ngôn* 1 thiên, *Tiên nho hoành luận* 1 thiên, *Thường đường quốc ngữ* 1 thiên, *Phật tổ đối liên* mấy câu, *Hoa nghiêm phương sách kinh* 82 quyển, *Giải hoặc thượng hạ* 2 quyển, *Tân biên nhật tụng* 1 tập, *Tì ni nhật tụng* 1 tập, *Tam giáo quản khuy Thích Nho* 3 tập, *Truyền đăng Phật tổ* 5 quyển, *Phật tổ thống kỷ cổ bản phạn giáp ngữ* tứ thập tứ quyển, *Kim vi phương sách*

20 quyển, *Tại gia tu trì*, *Đạo giáo nguyên lưu* 2 quyển, *Tiểu du già* 1 quyển, *Lễ thiên địa nương tình cấp âm hồn bài vị nhị tập nhị bài*, *Trùng khắc đại giới điệp* 1 trang, *Tân biên ngũ giới thập giới* 1 trang.

Hoà thượng Phúc Điền viên tịch ngày 16 tháng 11 năm Tự Đức 16 (1863) hưởng thọ 80 tuổi.

(3) Hối Tích Tăng Tính Quảng Thích Điều Điều (1694-1768). Nhà sư từng tu tập trụ trì giảng đạo ở các chùa như chùa Phổ Quang 普光寺, chùa Hoa Vân ở An / Yên Sơn 安山花雲寺, chùa Phan Long 攀龍寺, chùa Khánh Vân 慶雲寺, Thiên Phong viện 禪風院 (Thiên Phong viện trên núi Tử Sâm nay là xã Phụng Châu huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây).

(4) Số liệu tham khảo trong: Nguyễn Tuấn Cường, *Sơ bộ nghiên cứu ván khắc và văn bản bản giải âm <Lí tướng công chép sự minh ti>*, in trong: *Thông báo Hán Nôm học* 2004, Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, 2005, tr. 83-105.

(5) Chúng tôi lấy số liệu trong: Nguyễn Tuấn Cường, *Bước đầu khảo sát cấu trúc chữ Nôm trong bản Kim Vân Kiều tân truyện - Liễu Văn đường 1871*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Hán Nôm, 2003, Tư liệu tại Phòng Tư liệu Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tài Cẩn, *Một số vấn đề về chữ Nôm*, Nxb. Đại học Trung học chuyên nghiệp, 1985, 284 tr.
- [2] Nguyễn Tá Nhí, *Hòa thượng Phúc Điền với việc giáo dục tăng tài, Kỷ yếu trường Trung cấp Phật học Hà Tây*, PL.2545 trang 44-47.
- [3] Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000, 1162 tr.
- [4] *Hộ pháp luận* (護法論) kí hiệu sách AB.381 (thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm)
- [5] *Khoá hư lục giải âm* (課虛錄解音) kí hiệu AB.367 (TV VNC HN)
- [6] *Kim Cương Di đà kệ Chú châm minh*(金剛彌陀偈咒針銘) kí hiệu AC.456 (TV VNC HN)
- [7] *Hộ pháp luận* (護法論) kí hiệu AC.144-145 (TV VNC HN)
- [8] *Hộ pháp luận* (護法論) kí hiệu AC.343 (TV VNC HN)
- [9] *Hộ pháp luận* (護法論) kí hiệu HLn.129, HLn.26, HLn.27, HLn.28, HLn.29 (thư viện Quán Sứ)
- [10] *Hộ pháp luận* bản điện tử, mạng No.2114

[11] 蔣義斌,《張商英〈護法論〉中的歷史思維》,佛學研究中心學報第三期(1998年),國立臺灣大學學院研究中心印行(頁129-150).

[12] 黃啟江,《張商英護法論的歷史意義》,中華佛學學報第九期(1996.07.出版)頁次:123-166.

Liên hệ với người viết:

Nguyễn Văn Thanh

Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc,

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

email: nguyenvanthanhht@gmail.com⁴⁵